

Số: /BNNMT-CCPT
V/v trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới sau Kỳ họp
thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Kính gửi:

- Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố Hồ Chí Minh.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường nhận được kiến nghị của cử tri Thành phố Hồ Chí Minh do Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội chuyển đến tại Văn bản số 498/UBNDGS16 ngày 12 tháng 6 năm 2026 về việc chuyển kiến nghị của cử tri gửi tới sau Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI;

Sau khi nghiên cứu, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Nội dung kiến nghị của cử tri:

(1) Kiến nghị số 04: Cử tri kiến nghị quan tâm xây dựng chính sách bình ổn giá đối với các sản phẩm nông nghiệp trong nước nhằm bảo đảm quyền lợi cho người sản xuất và người tiêu dùng;

(2) Kiến nghị số 13: Trong bối cảnh thời gian qua giá nhiều mặt hàng nông sản trong nước thường xuyên biến động, có thời điểm xảy ra tình trạng được mùa nhưng mất giá, ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập và đời sống của người nông dân, cử tri kiến nghị Trung ương quan tâm xây dựng chính sách bình ổn giá đối với các sản phẩm nông nghiệp trong nước nhằm bảo đảm hài hòa quyền lợi của người sản xuất và người tiêu dùng.

(3) Kiến nghị số 78: Cử tri kiến nghị Bộ tiếp tục nghiên cứu, sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật về an toàn thực phẩm; tăng cường kiểm tra, kiểm soát nguồn gốc thực phẩm, xử lý nghiêm các hành vi sử dụng chất cấm, kinh doanh thực phẩm bẩn, thực phẩm nhập lậu và thực phẩm không rõ nguồn gốc xuất xứ. Đồng thời, kiến nghị xây dựng cơ chế quản lý chặt chẽ đối với thực phẩm chế biến, nông sản tiêu dùng hằng ngày và nâng mức xử phạt đối với các hành vi vi phạm gây ảnh hưởng sức khỏe người dân.

2. Kết quả nghiên cứu, giải quyết và trả lời kiến nghị

2.1. Về kiến nghị số 04 và số 13

Nội dung kiến nghị trên thuộc trường hợp giải trình, cung cấp thông tin.

a) Về xây dựng chính sách bình ổn giá đối với các sản phẩm nông nghiệp trong nước.

Hiện nay, giá cả của đại đa số hàng hóa, dịch vụ lưu thông trên thị trường, bao gồm cả nông sản, đều được vận hành theo quy luật cung - cầu; Nhà nước không can thiệp trực tiếp bằng biện pháp hành chính để ấn định giá nông sản mà

sử dụng các công cụ quản lý, điều tiết vĩ mô để bình ổn thị trường. Về khung pháp lý, Luật Giá năm 2023 (số 16/2023/QH15) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá (số 140/2025/QH15, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026) đã quy định rõ các nguyên tắc, biện pháp bình ổn giá, bao gồm: điều hòa cung cầu; kiểm soát chi phí, lợi nhuận; áp dụng giá tối đa, tối thiểu; trợ giá, trợ cước vận chuyển. Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 hướng dẫn chi tiết về trình tự, thủ tục bình ổn giá và kê khai giá. Trong đó, một số mặt hàng vật tư nông nghiệp quan trọng (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, vắc xin thú y) đã được đưa vào Danh mục hàng hóa bình ổn giá và phải thực hiện kê khai giá. Đối với giá bán nông sản, Bộ Nông nghiệp và Môi trường luôn theo dõi sát diễn biến thị trường, thường xuyên cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo; đồng thời có đại diện tham gia Ban Chỉ đạo điều hành giá của Chính phủ, Tổ Điều hành thị trường trong nước để kịp thời tham mưu các giải pháp bình ổn giá các mặt hàng nông, lâm, thủy sản thiết yếu. Khi có biến động lớn, Nhà nước có thể áp dụng các chính sách hỗ trợ tạm trữ (như đã thực hiện hiệu quả đối với lúa gạo, cà phê) để giảm nguồn cung cục bộ, góp phần duy trì mức giá thu mua có lợi cho người nông dân.

b) Một số giải pháp bình ổn giá và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp nhằm bảo đảm quyền lợi của người sản xuất và người tiêu dùng.

Bên cạnh những cơ chế chính sách được Chính phủ ban hành, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã tập trung thực hiện các giải pháp hỗ trợ sản xuất, chế biến, phát triển thị trường tiêu thụ trong nước, thúc đẩy xuất khẩu nhằm hỗ trợ tiêu thụ, bình ổn giá nông sản nhằm bảo vệ người sản xuất và người tiêu dùng, cụ thể:

(1) Tổ chức lại sản xuất, phát triển liên kết và thúc đẩy tiêu thụ nông sản

Bộ đã phối hợp với Bộ Tài chính rà soát, sửa đổi Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; đang trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; phát triển các chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp, tăng cường ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm.

Đồng thời, Bộ tiếp tục thực hiện các nội dung liên quan trong triển khai Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022) và Đề án đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản (Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 09/02/2021); triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam thời kỳ 2025-2035, tầm nhìn đến 2050 (Quyết định số 5223/QĐ-BNNMT ngày 10/12/2025); triển khai Chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp và môi trường trên nền tảng số; chỉ đạo đẩy mạnh chế biến sâu, nâng cao năng lực bảo quản sau thu hoạch, phát triển kho lạnh nhằm kéo dài thời gian bảo quản, giảm áp lực tiêu thụ theo mùa vụ, hạn chế tình trạng “được mùa mất giá”.

(2) Mở rộng thị trường, thúc đẩy tiêu thụ trong nước và xuất khẩu

- Hằng năm, Bộ duy trì tổ chức các hoạt động phát triển thị trường trong và ngoài nước, một số hoạt động cụ thể gồm: (i) Đẩy mạnh hoạt động giới thiệu, thông tin về sản phẩm nông sản thông qua các đoàn công tác của các cấp lãnh đạo; (ii) Tham gia các hội chợ, triển lãm thực phẩm quốc tế, tổ chức các diễn đàn kết nối, tiêu thụ nông sản giữa doanh nghiệp Việt Nam và các doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức đoàn công tác xúc tiến và mở rộng thị trường hằng năm; (iii) Quan tâm phát triển thị trường tiêu thụ trong nước thông qua việc tổ chức thường niên các hội chợ, triển lãm quan trọng của ngành như Hội chợ AgroViet, Hội chợ Làng nghề Việt Nam, phối hợp với địa phương tổ chức tuần hàng nông sản tại các thành phố lớn. Kết quả, tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản 6 tháng đầu năm 2026 ước đạt 35,88 tỷ USD, tăng 6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản đạt 18,59 tỷ USD, tăng 0,2%; giá trị xuất khẩu sản phẩm chăn nuôi đạt 375,8 triệu USD, tăng 34,6%; giá trị xuất khẩu thủy sản đạt 5,7 tỷ USD, tăng 11,4%; giá trị xuất khẩu lâm sản đạt 9,2 tỷ USD, tăng 4,6%; giá trị xuất khẩu đầu vào sản xuất đạt 2,01 tỷ USD, tăng 79,6%; giá trị xuất khẩu muối đạt 7,7 triệu USD, tăng 39,8%.

- Đẩy mạnh đàm phán mở cửa thị trường, xử lý các rào cản kỹ thuật, thúc đẩy xuất khẩu chính ngạch; hỗ trợ cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, truy xuất nguồn gốc.

- Định kỳ hằng tháng xây dựng và phát hành Bản tin sản xuất và tiêu thụ nông sản trong nước và Bản tin phân tích, dự báo thị trường nông sản xuất khẩu tới các Bộ, ngành, địa phương; các hiệp hội ngành hàng, các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân. Hằng quý, Bộ phối hợp với Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan tổ chức các tọa đàm cập nhật thông tin về nhu cầu, thị hiếu và phổ biến quy định về thị trường trong và ngoài nước; tổ chức các hội thảo tập huấn kỹ năng khai thác, tìm kiếm, dự báo thông tin thị trường, kết nối giữa sản xuất, tiêu thụ thông qua hệ thống logistics...để người dân chủ động điều chỉnh kế hoạch sản xuất theo tín hiệu thị trường.

(3) Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Bộ luôn chú trọng chỉ đạo tăng cường công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc nông sản; kiểm soát chặt chẽ chất lượng vật tư đầu vào để nâng cao chất lượng sản phẩm đến tay người tiêu dùng; yêu cầu các cơ sở sản xuất, kinh doanh niêm yết giá, kê khai giá theo quy định; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi đầu cơ, găm hàng, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng; phối hợp với Ban Chỉ đạo 389 quốc gia và các lực lượng chức năng đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại qua biên giới. Tăng cường minh bạch thông tin thị trường, giá cả nhằm giảm sự phụ thuộc vào khâu trung gian, hạn chế tình trạng ép giá đối với nông dân, đồng thời giúp người tiêu dùng tiếp cận các sản phẩm bảo đảm chất lượng với mức giá hợp lý.

2.2. Về kiến nghị số 78

Nội dung kiến nghị trên thuộc trường hợp giải trình, cung cấp thông tin.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường luôn xác định bảo đảm an toàn thực phẩm là nhiệm vụ trọng tâm nhằm bảo vệ sức khỏe nhân dân, nâng cao chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản và phát triển bền vững ngành nông nghiệp. Cụ thể các nội dung liên quan kiến nghị cử tri như sau:

(1) Về việc nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống pháp luật về an toàn thực phẩm:

- Thời gian qua, Bộ đã chỉ đạo các đơn vị chức năng hoàn thiện chính sách, pháp luật phục vụ quản lý ATTP nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ theo hướng phù hợp thông lệ quốc tế và tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong nước, phù hợp với nhiệm vụ được giao tại Luật ATTP, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ. Thực hiện chỉ đạo tại Công điện số 32/CĐ-TTg ngày 19/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, Bộ cũng đã chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ATTP lĩnh vực nông nghiệp và môi trường còn hiệu lực và các văn bản đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực thuộc trách nhiệm của Bộ nhằm đánh giá chính xác, đầy đủ, toàn diện về thực trạng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, trên cơ sở đó đề xuất giải pháp xử lý tổng thể nhằm giải quyết các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn; góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về ATTP theo hướng hiện đại, đồng bộ, hợp lý và khoa học.

- Thực hiện chỉ đạo của Đồng chí Tổng bí thư, Chủ tịch nước tại Thông báo số 15-TB/BCĐTW ngày 17/3/2026 của Ban chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật, Bộ đang tích cực phối hợp với Bộ Y tế (cơ quan chủ trì) và các cơ quan liên quan tham gia xây dựng: Đề án hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về ATTP theo hướng thống nhất một đầu mối từ Trung ương đến địa phương; dự án Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) theo hướng thống nhất một đầu mối quản lý ATTP từ Trung ương đến địa phương, tăng cường quản lý ATTP dựa trên kiểm soát nguy cơ theo chuỗi cung ứng; số hóa và xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu ATTP quốc gia liên thông; nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, hậu kiểm.

(2) Về tăng cường kiểm tra, kiểm soát nguồn gốc thực phẩm, xử lý nghiêm các hành vi sử dụng chất cấm, kinh doanh thực phẩm bẩn, thực phẩm nhập lậu và thực phẩm không rõ nguồn gốc xuất xứ:

Hàng năm, Bộ ban hành Kế hoạch hành động đảm bảo chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản và tổ chức Hội nghị quán triệt trong toàn ngành. Bên cạnh đó, Bộ cũng đã thường xuyên, kịp thời chỉ đạo các đơn vị chuyên môn tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về ATTP và kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong lĩnh vực ATTP nông lâm thủy sản trong toàn bộ chuỗi sản xuất, kinh doanh thuộc thẩm quyền quản lý (bao gồm hoạt động xuất, nhập khẩu và sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp). Cụ thể, Bộ đã chỉ đạo các Cục quản lý chuyên ngành và các địa phương:

- Tổ chức hướng dẫn sản xuất an toàn, mở rộng vùng trồng đủ điều kiện ATTP, vùng sản xuất VietGAP, hữu cơ và các mô hình chuỗi nông sản an toàn.

- Triển khai đầy đủ hoạt động tổ chức ký cam kết sản xuất thực phẩm an toàn; thẩm định, chứng nhận, kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản trong toàn bộ chuỗi theo các quy định hiện hành; chủ động kiểm tra, giám sát chặt chẽ, hậu kiểm các cơ sở đã ký cam kết sản xuất thực phẩm an toàn, đã được chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Tổ chức lấy mẫu giám sát an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản có nguy cơ cao về ATTP, bao gồm các cơ sở trồng trọt, giết mổ và các cơ sở cung ứng lượng lớn thực phẩm nông lâm thủy sản ra thị trường (như chợ đầu mối) để kịp thời ngăn chặn, cảnh báo nguy cơ thực phẩm không bảo đảm ATTP.

- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vật tư nông nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, hóa chất, kháng sinh trong sản xuất; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

Đến nay, cả nước có tổng số mã số vùng trồng là **9.546** và **1.525** mã số cơ sở đóng gói đủ điều kiện xuất khẩu cho các loại quả tươi (thanh long, xoài, vú sữa, chuối, bưởi, chanh leo, chanh không hạt, nhãn, vải, ổi, thạch đen...) sang các thị trường như Trung Quốc, Hoa Kỳ, Úc, New Zealand, Hàn Quốc, Nhật Bản cũng như tiêu thụ trong nước. Từ đầu năm 2026 đến nay, toàn ngành đã thực hiện kiểm tra **3.898** cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và NLTS, xử phạt hành chính **360** cơ sở (9,2%), tăng so với cùng kỳ năm 2025 (3,8%) với số tiền phạt **8,817** tỷ đồng; Tỷ lệ mẫu thực phẩm được giám sát đạt yêu cầu ATTP đạt **98,4%**; Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh NLTS ký cam kết tuân thủ quy định ATTP đạt **95%**; Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh NLTS được chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP đạt **93,8%**.

Trong thời gian tới, Bộ sẽ tiếp tục tập trung chỉ đạo việc tổ chức kiểm tra, giám sát, cảnh báo để phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật các cơ sở, sản phẩm vi phạm quy định về chất lượng, ATTP.

(3) Về xây dựng cơ chế quản lý chặt chẽ đối với thực phẩm chế biến và nông sản tiêu dùng hàng ngày và nâng mức xử phạt đối với các hành vi vi phạm gây ảnh hưởng đến sức khỏe người dân

Như đã trình bày ở trên, cơ chế quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản đã được thực hiện trong toàn bộ chuỗi sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền Bộ quản lý (bao gồm thực phẩm chế biến và nông sản tiêu dùng hàng ngày). Tuy nhiên, trong thời gian tới, để kiểm soát chặt chẽ hơn nữa đối với vấn đề an toàn thực phẩm trước một số vụ việc vi phạm nghiêm trọng, gây mất an toàn thực phẩm đã xảy ra, dự thảo Luật ATTP sửa đổi đã đề xuất 5 chính sách, bao gồm: (1) Quản lý an toàn thực phẩm dựa trên kiểm soát nguy cơ theo chuỗi cung ứng; (2) Cải cách phương thức quản lý và cơ chế kiểm tra thực phẩm trên thị trường; (3) Số hóa và xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu an toàn thực phẩm quốc gia liên thông; (4) Nâng cao hiệu quả quản lý thức ăn đường phố và loại hình cung cấp suất ăn tập thể; (5) Hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm theo hướng thống nhất đầu mối từ Trung ương đến địa phương. Các chính sách này sẽ góp phần tăng cường quản lý an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nói chung, đặc biệt là thực

phẩm chế biến và nông sản tiêu dùng hằng ngày của người dân.

Về việc nâng mức xử phạt đối với các hành vi vi phạm gây ảnh hưởng đến sức khỏe người dân, Bộ đã phối hợp với Bộ Y tế và các bộ, ngành liên quan xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm theo hướng tăng tính răn đe, bảo đảm tương xứng với tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả gây ra, góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm. Ngày 24/4/2026, Bộ Tư pháp đã tổ chức họp hội đồng thẩm định đối với dự thảo Nghị định nêu trên và Bộ Y tế đang chủ trì triển khai các bước tiếp theo để hoàn thiện theo quy định.

Trên đây là các ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, trân trọng gửi Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố Hồ Chí Minh để thông tin tới cử tri; gửi Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội để tổng hợp, theo dõi, giám sát theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đoàn Chủ tịch UBTWMTTQ Việt Nam;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực HĐND, UBND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trưởng đoàn ĐBQH Thành phố Hồ Chí Minh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thứ trưởng Võ Văn Hưng;
- Vụ Pháp chế (để tổng hợp, theo dõi);
- Văn phòng Bộ (để đăng tải trên Cổng TTĐT của Bộ);
- Lưu: VT, CCPT.

BỘ TRƯỞNG

Trịnh Việt Hùng